

Số: 1338/2020/QĐST-HNGĐ

Gò Vấp, ngày 30 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1157/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Minh Q, sinh năm: 1983;

Địa chỉ cư trú: Đường Q, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm: 1983;

Địa chỉ cư trú: Đường Q, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông Trần Minh Q và bà Nguyễn Thị Bích T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2009, ngày 21 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 06/9/2020 và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/10/2020, ông Q và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn; về con chung: ông Q là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Trần Nguyễn Phương L, sinh ngày: 24/6/2008 và Trần Minh K, sinh ngày: 29/8/2011; hàng tháng vào ngày 15, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là 5.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, bắt

đầu thi hành từ ngày 15/11/2020; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, ông Q và bà T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trần Minh Q và bà Nguyễn Thị Bích T thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01/2009, ngày 21 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai hết hiệu lực.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Minh Q là người trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Nguyễn Phương L, sinh ngày: 24/6/2008 và Trần Minh K, sinh ngày: 29/8/2011 ; hàng tháng vào ngày 15, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là 5.000.000 đồng (mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng) cho đến khi con đủ 18 tuổi, bắt đầu thi hành từ ngày 15/11/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Q, bà T phải chịu lệ phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/0026953 ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp; Đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- UBND nơi cấp giấy kết hôn;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp
- Lưu:

THẨM PHÁN
(đã ký)

Lê Thành Phong